



pí máo
皮毛

noun · fur, superficial knowledge

Example Sentences

Zhè jiàn dà yī yòng de shì dòng wù pí máo
这件大衣用的是动物皮毛。

This coat is made of animal fur.

tā duì zhè mén xué wèn zhī dǒng yì diǎn pí máo
他对这门学问只懂一点皮毛。

He only knows a little superficial knowledge about this subject.

Trace each character, then write the word on your own.

皮	皮	皮	皮	皮	皮	皮	皮												
毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛												